

CHUYÊN ĐỀ 21: MẠO TỪ

A. RULES OF ARTICLES

MẠO TỪ	CÁCH DÙNG
A/AN	■ Dùng trước những danh từ số ít đếm được, khi nó được nhắc tới lần đầu tiên. Trong đó: □ a dùng trước những danh từ bắt đầu bằng một phụ âm. □ an dùng trước những danh từ bắt đầu bằng một nguyên âm.
	■ Dùng trước những danh từ khi nó mang ý nghĩa là “một”.
	■ Dùng trước những danh từ chỉ nghề nghiệp.
	■ Dùng trong các cụm từ chỉ số lượng.
	■ Một số trường hợp ngoại lệ trong cách sử dụng a/an:
	- a uniform (một bộ đồng phục) - a university (một trường đại học) - an hour (một giờ) - an honest man (một người đàn ông thật thà) - a one-eyed man (một người đàn ông mất mắt chột) - a one-way road (đường một chiều) - a useful way (một cách hữu ích) - an SOS (một tín hiệu cấp cứu) - a union (một liên minh, một đồng minh) - a unit (một đơn vị) - a European (một người châu Âu) - an M.A (một cử nhân) - an honorable man (một người đáng kính)
THE	■ Dùng trước những danh từ khi được nhắc tới từ lần thứ hai trở đi.
	■ Dùng trước những danh từ khi chúng được xác định bằng một mệnh đề/mệnh đề quan hệ ở phía sau.
	■ Dùng trước những danh từ là duy nhất, độc nhất.
	■ Dùng trước số thứ tự.
	■ Dùng trước tính từ để tạo thành danh từ chỉ người ở dạng số nhiều.
	■ Dùng trước tên của các quốc gia tận cùng bằng -s và một số quốc gia số ít.
	■ Dùng trước tên của các loại nhạc cụ, nhưng phải đứng sau động từ “play”.
	■ Dùng trước tên của các địa điểm công cộng.
	■ Dùng trước danh từ chỉ tên riêng ở dạng số nhiều để chỉ cả gia đình nhà họ.
	■ Dùng trước tính từ so sánh hơn nhất và so sánh kép.
	■ Dùng trước tên của sông, suối, biển, đại dương, sa mạc, dãy núi...
	■ Dùng trước những danh từ mà cả người nói và người nghe đều biết rõ về nó.
	■ Dùng trước các buổi trong ngày.
	■ Dùng trước tên của các tờ báo.
	■ Dùng trước tên của các tổ chức.
	■ Dùng trước danh từ số ít tượng trưng cho một nhóm động vật, một loài hoặc đồ vật.
	■ Dùng trước danh từ chỉ phương hướng.

KHÔNG DÙNG MẠO TỪ	■ Dùng đứng trước danh từ + of + danh từ.
	■ Dùng trong một số cụm từ cố định.
	■ Dùng trước hospital/church/school/prison khi nó mang ý nghĩa khác.
	■ Trước tên của các môn học.
	■ Trước tên của các môn thể thao.
	■ Trước danh từ số nhiều không xác định.
	■ Trước danh từ không đếm được.
	■ Trước tên của các phương tiện giao thông, nhưng phải đứng sau giới từ "by".
	■ Trước danh từ chỉ màu sắc.
	■ Sau tính từ sở hữu hoặc sau danh từ ở sở hữu cách.
	■ Trước tên của các bữa ăn.
	■ Trước thứ, ngày, tháng, năm, mùa (nếu không xác định).
	■ Trước tên quốc gia (trừ các quốc gia đã được liệt kê ở mục 2), tên châu lục, tên núi, tên hồ, tên đường.
	■ Trước danh từ trừu tượng.

B. PRACTICE EXERCISES

Exercise 1: Mark the letter A, B, C, or D to indicate the correct answer to each of the following questions.

Question 1: I have bought _____ new shirt which matches _____ jacket I bought last week.

- A. some/a B. the/a C. a/the D. some/the

Question 2: Could you lend me some more? I've spent _____ money you gave me yesterday.

- A. Ø B. the C. a D. an

Question 3: The principle river in Wales is _____ Severn, which flows from the slopes of Plynlimon to _____ English border.

- A. Ø / Ø B. the/the C. a/the D. the/a

Question 4: Until recently _____ economy of _____ southern United States was based on _____ cotton.

- A. an/the/ Ø B. the/ Ø/Ø C. the/the/the D. the/the/ Ø

Question 5: I still keep wondering if I was doing _____ right thing when _____ I asked my father for _____ permission to leave school.

- A. a/ Ø B. the/ Ø C. Ø D. Ø/a

Question 6: We needed _____ house to live in when we were in London.

- A. a B. the C. any D. Ø

Question 7: You are _____ only person whose opinion is of any value to me in _____ present regrettable circumstances.

- A. the/Ø B. the/the C. the/a D. Ø/the

Question 8: The boy told me he hated _____ doctors.

- A. the B. some C. Ø D. a

Question 9: He had _____ laughing eyes and _____ most charming mouth.

- A. the/the B. a/a C. Ø/a D. Ø/the

Question 10: My brother hopes to travel around the world _____ next summer.

- A. a B. an C. the D. Ø (no article)

Question 11: Richard Byrd was _____ first person in history to fly over _____ North Pole.

- A. the - a B. the - Ø C. the - the D. Ø - Ø

Question 12: _____ university is an institution of higher education and research, which grants academic degrees.

- A. A B. An C. The D. Some
- Question 13:** In most _____ developed countries, up to 50 % of _____ population enters higher education at some time in their lives.
- A. the / Ø B. Ø / Ø C. the / the D. Ø / the
- Question 14:** Reports are coming in of a major oil spill in _____ Mediterranean.
- A. an B. Ø C. the D. a
- Question 15:** _____ non-verbal language is _____ important aspect of interpersonal communication.
- A. The - a B. Ø - an C. A - the D. The - Ø
- Question 16:** Is it acceptable to touch _____ person on _____ shoulder in a conversation?
- A. a - the B. the - a C. the - the D. a - a
- Question 17:** The excursion is _____ unique opportunity to discover _____ wild in its natural beauty.
- A. an - Ø B. a - the C. the - the D. an - the
- Question 18:** _____ colleges and universities are the main institutions that provide _____ tertiary education.
- A. Ø - Ø B. The - Ø C. The - the D. Ø - the
- Question 19:** I have left my book in _____ kitchen and I would like you to get it for me.
- A. the B. a C. Ø D. an
- Question 20:** Of all the world's major oceans, _____ Arctic Ocean is the shallowest.
- A. an B. the C. a D. Ø
- Question 21:** My uncle's company made a very good profit in _____ 1990s.
- A. the B. Ø C. a D. an
- Question 22:** Park Hang-seo, who is the head coach of _____ Vietnam national football team, is a new idol of many people.
- A. Ø B. a C. the D. an
- Question 23:** Africa has always had a large migratory population because of war and _____ famine.
- A. a B. an C. the D. Ø
- Question 24:** My neighbor is _____ photographer. Let's ask him for _____ advice about color film.
- A. a - the B. the - an C. a - Ø D. the - the
- Question 25:** The man grew up in _____ orphanage in _____ United Kingdom.
- A. the/ an B. an/ the C. an/ an D. the/ Ø
- Question 26:** Housewives find it easier to do domestic chores thanks to _____ invention of labour-saving devices.
- A. an B. some C. the D. a
- Question 27:** Apparently, _____ science, mathematics, and technology are defined as much by what they do and how they do it as they are by _____ results they achieve.
- A. the / the B. Ø / the C. Ø / Ø D. the / Ø
- Question 28:** More and more investors are pouring _____ money into food and beverage start-ups.
- A. the B. a C. an D. Ø
- Question 29:** _____ man suffering from _____ shock should not be given anything to drink.
- A. A/the B. The/ a C. Ø/ a D. A/ Ø
- Question 30:** I won't be home for _____ dinner this evening. I'm meeting some friends after _____ work and we're going to _____ cinema.
- A. Ø/the/Ø B. The/Ø/Ø C. Ø/Ø/the D. Ø/the/the
- Question 31:** "Did you have _____ nice holiday?" - "Yes, it was _____ best holiday I have ever had."
- A. a - the B. the - the C. the - a D. a - a

Question 32: A worrying conclusion in the study called “Heat and Learning” is that _____ global warming may affect the future income of _____ students around the world.

- A. the/ the B. Ø/ the C. a/ many D. Ø/ Ø

Question 33: The escaping prisoner camped in _____ woods but he didn’t light _____ fire because _____ smoke rising from the wood might attract _____ attention.

- A. the/a/ Ø /Ø B. a/the/the/Ø C. the/a/ Ø/the D. a/a/ Ø/Ø

Question 34: My brother has been playing _____ piano since he was a small child.

- A. the B. a C. no article D. an

Question 35: Donald Trump is _____ president of _____ United States.

- A. the/the B. a/Ø C. the/an D. the/Ø

Question 36: Our planned visit to _____ United Kingdom fell through because we were unable to get the visas.

- A. a B. an C. the D. no article

Question 37: According to _____ National Weather Service, _____ cyclones are _____ areas of circulating winds that rotate counterclockwise in _____ Northern Hemisphere and clockwise in _____ Southern Hemisphere

- A. Ø/Ø/the/the/the B. the/Ø/Ø /the/the C. the/Ø/the/Ø/Ø D. the/Ø/Ø/an/the

Question 38: Bodies of _____ dead in the tragic accident yesterday were taken away.

- A. the B. a C. an D. Ø

Question 39: _____ Socialist Republic of Vietnam is a country with a great patriotism through its history.

- A. The B. A C. An D. Ø

Question 40: My parents hope to travel around _____ world next summer.

- A. a B. an C. the D. Ø

Question 41: A recent survey has shown that _____ increasing number of men are willing to share the housework with their wives.

- A. a B. an C. the D. some

Question 42: First our team should identify _____ specific need in the community and then carry out a project to address that need.

- A. an B. Ø C. a D. the

Question 43: Domestic appliances like washing machines and dishwashers have made _____ life much easier.

- A. the B. a C. Ø D. An

Question 44: We moved to the countryside because we wanted to be close to _____ nature.

- A. a B. the C. an D. Ø

Question 45: She was drinking _____ glass of orange juice.

- A. a B. the C. Ø D. an

Question 46: Mrs Florida felt that her marriage had become _____ prison.

- A. a B. the C. Ø D. an

Question 47: Laura is _____ most intelligent girl I’ve ever known

- A. an B. Ø C. a D. the

Question 48: _____ residents of the village are living a happy life although they lack _____ modern facilities.

- A. Ø/ Ø B. Ø/the C. the/the D. the/Ø

Question 49: Tom sat down on _____ edge of a log and looked at _____ glassy surface of the lake.

A. a/a

B. the/the

C. Ø/the

D. the/ Ø

Question 50: _____ deposit of 5 pounds is payable by anyone who wishes to become _____ reader of the library.

A. A/a

B. The/the

C. The/Ø

D. The/a

Exercise 2.1: Fill in the blanks with a(n), the. Put on X where none is required.

Question 1: The scientists are working on _____ drug capable of arresting the spread of cancerous cells.

Question 2: In that mood I was unsuitable for attending _____ parents' meeting at the school.

Question 3: It's time he acted like _____ responsible adult and stopped blaming others for his wrongdoings.

Question 4: I liked reading in _____ garden, which was several steps below the level of the yard.

Question 5: Jason's father bought him _____ bike that he wanted for his birthday.

Question 6: _____ Statue of Liberty was a gift of friendship from _____ France to _____ United states.

Question 7: Rita is studying _____ English and _____ Math this semester.

Question 8: Do you know _____ man who is waiting for the bus over there?

Question 9: Please give me _____ cup of _____ coffee with _____ cream and _____ sugar.

Question 10: _____ big books which are on _____ table are for my history class.

Question 11: My _____ car is four years old, but it still runs well.

Question 12: There are only _____ few seats for _____ tonight's musical.

Question 13: _____ chair that you are sitting in is broken.

Question 14: _____ Civil War was fought in _____ United States between 1861 and 1865.

Question 15: We went by _____ train to the west of England.

Question 16: _____ people who live in _____ Scotland are called the Scots.

Question 17: This house is very nice. Has it got _____ garden?

Question 18: There isn't _____ airport near where I live. _____ nearest airport is 70 miles away.

Question 19: Did you have _____ nice holiday? Yes, it was _____ best holiday I've ever had.

Question 20: Mai always plays _____ piano whenever she has free time.

Question 21: My daughter was born on _____ fifth of January.

Question 22: Yesterday I went to _____ school by _____ bus because my bike had been broken down.

Question 23: It takes me _____ hour to finish my work.

Question 24: She used to have _____ cat and _____ dog but _____ dog died.

Question 25: English is spoken all over _____ world.

Question 26: _____ deaf are unable to hear anything.

Question 27: I like studying _____ math best.

Question 28: People all over the world like _____ football.

Question 29: _____ tea is produced in Thai Nguyen.

Question 30: I wish today were on _____ Sunday.

Question 31: I often have _____ breakfast at 6:00pm and _____ lunch at 11:00 pm.

Question 32: She gave me _____ apple and gave Lan 2 _____ apples.

Question 33: _____ Smiths are going to Ha Long bay next summer.

Question 34: If I won the lottery, first I would buy _____ piece of land in the country.

Question 35: This morning I bought a newspaper and _____ magazine. _____ newspaper is in my bag but I don't know where I put _____ magazine.

Question 36: I saw _____ accident this morning. _____ car crashed into _____ tree. _____ driver of _____ car wasn't hurt but _____ car was badly damaged.

- Question 37:** Maria comes from _____ United States. She is _____ American girl.
- Question 38:** The boy said: “ _____ moon is bigger than _____ earth.”
- Question 39:** I bought _____ car last week. _____ car is over there.
- Question 40:** I need _____ few apples but _____ lot of sugar.
- Question 41:** Where is _____ nearest shop? There is one at _____ end of this street.
- Question 42:** My friends live in _____ old house in _____ small village. There is _____ beautiful garden behind _____ house. I would like to have _____ garden like that.
- Question 43:** The office walls and furniture are _____ uniform grey.
- Question 44:** John and Mary went to _____ school yesterday and then studied in _____ library before returning home.
- Question 45:** On our trip to _____ Spain, we crossed _____ Atlantic Ocean.
- Question 46:** Rita plays _____ violin and her sister plays _____ guitar.
- Question 47:** David played _____ basketball and _____ baseball at _____ Boy's club this year.
- Question 48:** The political science class is taking _____ trip to _____ France in _____ Spring.
- Question 49:** Last night there was _____ bird singing outside my house.
- Question 50:** He is _____ honest person.

Exercise 2.2: Fill in the blanks with a(n), the. Put on X where none is required.

- Question 1:** _____ photographs show him wearing _____ T-shirt and ripped jeans that were _____ student's uniform of _____ time.
- Question 2:** He is _____ one-eyed man.
- Question 3:** There is _____ useful method of learning English.
- Question 4:** I've got _____ uncle.
- Question 5:** Your shoes are under _____ bed.
- Question 6:** There is a strike at _____ hospital.
- Question 7:** There is _____ onion left in the fridge.
- Question 8:** There is a splendid view of _____ Lake Geneva from his hotel.
- Question 9:** She is _____ nurse, so her work is to take care of _____ sick.
- Question 10:** _____ summer is _____ warmest season but _____ summer of 1971 was unusually cool.
- Question 11:** He began to hum _____ song. It was _____ old popular song.
- Question 12:** _____ deaf are _____ people who can't hear anything.
- Question 13:** My hometown is on the bank of _____ Red river.
- Question 14:** Tung's father bought him _____ bicycle that he had wanted for his birthday.
- Question 15:** My mother goes to church in _____ morning.
- Question 16:** I eat _____ banana every day.
- Question 17:** Harry is a sailor. He spends most of his life at _____ sea.
- Question 18:** _____ young man listened to _____ conservation with _____ amused smile.
- Question 19:** He tried to park his car but _____ space wasn't big enough.
- Question 20:** We had _____ dinner in a restaurant.
- Question 21:** We had _____ meal in a restaurant.
- Question 22:** _____ rose is my favorite color.
- Question 23:** He heard _____ popular song played by _____ dance band on _____ radio.
- Question 24:** _____ fact that he would have independent means made her feel relieved.
- Question 25:** Mary loves _____ flowers.
- Question 26:** Jill went to _____ hospital to see her friend.

- Question 27:** Mrs Lan went to _____ school to meet her son's daughter.
- Question 28:** Carol went to _____ prison to meet her brother.
- Question 29:** _____ questions Ann asked always seemed to be _____ questioned to which Paul knew the answers.
- Question 30:** She works six days _____ week.
- Question 31:** _____ sun is a star.
- Question 32:** What did you have for _____ breakfast this morning.
- Question 33:** London is _____ capital of England.
- Question 34:** When was _____ telephone invented?
- Question 35:** What he said reminded me of _____ film I had seen.
- Question 36:** We haven't been to _____ cinema for years.
- Question 37:** Do you need _____ umbrella?
- Question 38:** _____ injured man was taken to _____ hospital.
- Question 39:** She went out without _____ money.
- Question 40:** Tosi speaks _____ Japanese at home.
- Question 41:** A man and a woman were standing outside my house. _____ Man looked English but I think _____ woman was a foreigner.
- Question 42:** The Soviet Union was _____ first country to send a man into _____ space.
- Question 43:** Did you watch "Titanic" on _____ television or at _____ cinema?
- Question 44:** After _____ lunch, we went for a walk by _____ sea.
- Question 45:** Peru is _____ country in South America. _____ capital is Lima.
- Question 46:** It was a beautiful day. _____ sun shone brightly in _____ sky.
- Question 47:** It is said that Robin Hood robbed _____ rich and gave the money to _____ poor.
- Question 48:** Life is not so easy for _____ unemployed.
- Question 49:** On our trip to Spain, we crossed _____ Atlantic Ocean.
- Question 50:** Mel's mother is in _____ hospital, so we went to visit her last night.

Exercise 3: Mark the letter A, B, C or D to indicate the underlined part that needs correction in each of the following questions.

Question 1: Once tested for viruses, the software can be installed in the school

A B C

computer system for the use.

D

Question 2: It was only birthday he had celebrated since he was a child.

A B C D

Question 3: Nowadays, everybody knows Apples and almost everybody knows that a

A B C

company was founded by Steve Jobs, an American inventor and entrepreneur.

D

Question 4: The teacher entered the room while the students were discussing their plan

A B C

for an excursion.

D

Question 5: Of all papers I read this morning, none interested me as much as this one.

A B C D

Question 6: Steve Jobs died in 2011 after battling with the pancreatic cancer for nearly
A B C D
a decade.

Question 7: He left on the 10 o'clock train yesterday to see his father who was taken
A B
to the hospital last week when he broke his right leg.
C D

Question 8: Every week, his mother goes to university to visit him while my mother
A B
has never come to visit me since I went to university.
C D

Question 9: I have visited Portugal but I have never been to Netherlands, so I intend
A B C
to visit it next summer.
D

Question 10: Last month, while my friend was traveling round England by the car, he
A B
crashed the car into a tree.
C D

KEY:

Exercise 1: Mark the letter A, B, C, or D to indicate the correct answer to each of the following questions.

ĐÁP ÁN

1. C	2. B	3. B	4. D	5. B	6. A	7. B	8. C	9. C	10. D
11. C	12. A	13. D	14. C	15. B	16. A	17. B	18. A	19. A	20. B
21. A	22. C	23. D	24. C	25. B	26. C	27. B	28. D	29. D	30. C
31. A	32. D	33. A	34. A	35. A	36. C	37. B	38. A	39. A	40. C
41. B	42. C	43. C	44. D	45. A	46. A	47. D	48. D	49. B	50. A

Question 1: I have bought _____ new shirt which matches _____ jacket I bought last week.
A. some/a B. the/a C. a/the D. some/the

Đáp án C

Tạm dịch: Tôi đã mua một chiếc áo sơ mi mới hợp với chiếc áo khoác tôi mua tuần trước.

Giải thích:

- Dùng mạo từ “a” trước “new shirt” (a/an dùng trước danh từ khi nó mang ý nghĩa là “một”.)
- Dùng mạo từ “the” trước “jacket” (the dùng trước những danh từ khi nó được xác định bằng một mệnh đề quan hệ ở phía sau.)

Question 2: Could you lend me some more? I’ve spent _____ money you gave me yesterday.
A. Ø B. the C. a D. an

Đáp án B

Tạm dịch: Bạn có thể cho tôi mượn thêm không? Tôi đã tiêu hết số tiền bạn cho tôi ngày hôm qua.

Giải thích:

- Dùng mạo từ “the” trước “money” (the dùng trước danh từ được bổ nghĩa bằng mệnh đề ở sau.)

Question 3: The principal river in Wales is _____ Severn, which flows from the slopes of Plynlimon to _____ English border.

A. Ø / Ø

B. the/the

C. a/the

D. the/a

Đáp án B

Tạm dịch: Con sông chính ở xứ Wales là Severn, chảy từ sườn Plynlimon đến biên giới nước Anh.

Giải thích:

- Dùng mạo từ “the” trước “Severn” (the dùng trước danh từ riêng chỉ sông.)
- Dùng mạo từ “the” trước “English border” (the dùng trước danh từ chỉ địa điểm.)

Question 4: Until recently _____ economy of _____ southern United States was based on _____ cotton.

A. an/the/ Ø

B. the/ Ø / Ø

C. the/the/the

D. the/the/ Ø

Đáp án D

Tạm dịch: Cho đến gần đây nền kinh tế của miền Nam Hoa Kỳ dựa vào bông.

Giải thích:

- Dùng mạo từ “the” trước “economy” (the dùng đứng trước danh từ + of + danh từ.)
- Dùng mạo từ “the” trước “southern United States” vì ta dùng “the” trước cụm từ chỉ phương hướng. Có thể nhớ luôn “The Southern United States” vì nó rất phổ biến, giống như dùng “the UK, the US,..”
- Không dùng mạo từ trước “cotton” (danh từ mang nghĩa chỉ chất liệu.)

Question 5: I still keep wondering if I was doing _____ right thing when I asked my father for _____ permission to leave school.

A. a/ Ø

B. the/ Ø

C. Ø

D. Ø/a

Đáp án B

Tạm dịch: Tôi vẫn cứ tự hỏi liệu tôi đã làm đúng khi tôi xin phép cha tôi nghỉ học.

Giải thích:

- Dùng mạo từ “the” trước “right thing” (the dùng trước cụm danh từ được xác định vì “thing” ở đây được giải thích bởi mệnh đề “I asked leave school”.)
- Không dùng mạo từ trước “permission” (không dùng mạo từ trước danh từ chung)

Question 6: We needed _____ house to live in when we were in London.

A. a

B. the

C. any

D. Ø

Đáp án A

Tạm dịch: Chúng tôi cần một ngôi nhà để sống khi chúng tôi ở London.

Giải thích:

- Dùng mạo từ “a” trước “house” (a/an dùng trước danh từ khi nó mang ý nghĩa là “một”.)

Question 7: You are _____ only person whose opinion is of any value to me in _____ present regrettable circumstances.

A. the/Ø

B. the/the

C. the/a

D. Ø/the

Đáp án B

Tạm dịch: Bạn là người duy nhất mà ý kiến có giá trị với tôi trong những hoàn cảnh đáng tiếc hiện tại.

Giải thích:

- Dùng mạo từ “the” trước “only person” (the dùng trước cụm từ mang ý nghĩa duy nhất.)
- Dùng mạo từ “the” trước “present regrettable circumstances” (the dùng trước danh từ được xác định vì trong ngữ cảnh này “những hoàn cảnh đáng tiếc hiện tại” là đối tượng xác định với người nói và người

nghe.)

Question 8: The boy told me he hated _____ doctors.

- A. the B. some C. Ø D. a

Đáp án C

Tạm dịch: Thằng bé nói với tôi rằng nó ghét bác sĩ.

Giải thích:

- Không dùng mạo từ trước danh từ số nhiều (không xác định).

Question 9: He had _____ laughing eyes and _____ most charming mouth.

- A. the/the B. a/a C. Ø/a D. Ø/the

Đáp án C

Tạm dịch: Anh có đôi mắt biết cười và cái miệng quyến rũ nhất.

Giải thích:

- Không dùng mạo từ trước danh từ số nhiều “eyes” khi nó không xác định.

- Ở vế sau, ta không dùng mạo từ “the”. Vì tương tự với “eyes”, thì “mouth” cũng không xác định để dùng “the” được; nhưng khác với “eyes” là số nhiều, thì “mouth” là số ít đếm được nên ta dùng “a”

- Ở đây không thể dùng “the” ở vị trí thứ hai này để hiểu nó theo dạng so sánh nhất; đây không phải là so sánh nhất, vì nếu dùng vậy đồng nghĩa rằng “không ai có miệng xinh bằng miệng anh ta” => điều này không có căn cứ nào cả, vô lý

=> Dùng “most” ở đó với vai trò là một trạng từ, mang nghĩa là “very: rất” để bổ nghĩa cho tính từ “charming”

=> Theo trật tự từ loại trong câu: **A + adv + adj + N(đếm được số ít)**

=> Ta chọn đáp án C

Question 10: My brother hopes to travel around the world _____ next summer.

- A. a B. an C. the D. Ø (no article)

Đáp án D

Tạm dịch: Anh tôi hy vọng sẽ đi du lịch vòng quanh thế giới vào mùa hè tới.

Giải thích:

- “Next summer” là một cụm hoàn chỉnh nên không cần dùng mạo từ.

Question 11: Richard Byrd was _____ first person in history to fly over _____ North Pole.

- A. the – a B. the – Ø C. the – the D. Ø – Ø

Đáp án C

Tạm dịch: Richard Byrd là người đầu tiên trong lịch sử bay qua Bắc Cực.

Giải thích:

- Dùng mạo từ “the” trước “first person” (the dùng trước số thứ tự)

- Dùng mạo từ “the” trước “North Pole” là nơi chốn xác định.

Question 12: _____ university is an institution of higher education and research, which grants academic degrees.

- A. A B. An C. The D. Some

Đáp án A

Tạm dịch: Một trường đại học là một tổ chức giáo dục đại học và nghiên cứu, có cấp bằng cấp học thuật.

Giải thích:

- A/an dùng trước những danh từ khi nó mang ý nghĩa là “một”
- Dùng mạo từ “a” trước “**university**” (“**university**” có phát âm bắt đầu là một bán nguyên âm, vì vậy dùng “a” thay vì “an”.)

Question 13: In most _____ developed countries, up to 50% of _____ population enters higher education at some time in their lives.

- A. the / Ø B. Ø / Ø C. the / the D. Ø / the

Đáp án D

Tạm dịch: Ở hầu hết các nước phát triển, có tới 50% dân số bước vào bậc giáo dục đại học tại một số thời điểm trong cuộc đời của họ.

Giải thích:

- Most + N = most of + the/tính từ sở hữu + N => không dùng mạo từ trước “developed countries”
- Dùng mạo từ “the” trước “population” (cụm danh từ đã được xác định mà người nói và người nghe đều hiểu.)

Question 14: Reports are coming in of a major oil spill in _____ Mediterranean.

- A. an B. Ø C. the D. a

Đáp án C

Tạm dịch: Các báo cáo đang đến từ một sự cố tràn dầu lớn ở Địa Trung Hải.

Giải thích:

- Dùng mạo từ “the” trước “Mediterranean” (the dùng trước danh từ riêng chỉ biển.)

Question 15: _____ non-verbal language is _____ important aspect of interpersonal communication.

- A. The – a B. Ø – an C. A – the D. The – Ø

Đáp án B

Tạm dịch: Phi ngôn ngữ là một khía cạnh quan trọng của việc giao tiếp giữa các cá nhân.

Giải thích:

- Không dùng mạo từ trước danh từ không đếm được.
- Dùng mạo từ “an” trước “important aspect” (a/an dùng trước một danh từ khi nó mang ý nghĩa là “một”)

Question 16: Is it acceptable to touch _____ person on _____ shoulder in a conversation?

- A. a – the B. the – a C. the – the D. a – a

Đáp án A

Tạm dịch: Có thể chấp nhận việc chạm vào vai một người trong một cuộc trò chuyện không?

Giải thích:

- Dùng mạo từ “a” trước “**person**” (a/an dùng trước danh từ khi nó mang nghĩa là “một”.)
- Dùng mạo từ “the” trước “shoulder” (the dùng trước danh từ chỉ một vật riêng biệt mà cả người nói và người nghe đều hiểu.)

Question 17: The excursion is _____ unique opportunity to discover _____ wild in its natural beauty.

- A. an – Ø B. a – the C. the – the D. an – the

Đáp án B

Tạm dịch: Chuyển tham quan là một cơ hội có một không hai để khám phá sự hoang dã trong vẻ đẹp tự nhiên của nó.

Giải thích:

- Dùng mạo từ “a” trước “unique opportunity” (a/an dùng trước một danh từ khi nó mang ý nghĩa là một, “unique” có phát âm đầu tiên là phụ âm vì vậy chọn “a” thay vì “an”.)
- Dùng mạo từ “the” trước “wild” (the dùng trước danh từ được xác định bằng cụm từ phía sau.)

Question 18: _____ colleges and universities are the main institutions that provide _____ tertiary education.

- A. Ø – Ø B. The – Ø C. The – the D. Ø - the

Đáp án A

Tạm dịch: Cao đẳng và đại học là những tổ chức chính cái mà cung cấp giáo dục bậc đại học.

=> Theo quy tắc, ta không dùng mạo từ trước các danh từ đếm được số nhiều mang ý nghĩa chung chung. Ở đây, với danh từ “colleges” và “universities” đang ám chỉ đến tất cả các trường cao đẳng và đại học nói chung, không cụ thể trường nào, do đó không dùng mạo từ “the”; cụm danh từ “tertiary education” cũng vậy, nó ám chỉ đến cấp bậc giáo dục đại học/cao đẳng nói chung, do đó cũng không dùng mạo từ.

Question 19: I have left my book in _____ kitchen and I would like you to get it for me.

- A. the B. a C. Ø D. an

Đáp án A

Tạm dịch: Tôi đã để cuốn sách của mình trong bếp và tôi muốn bạn lấy nó cho tôi.

Giải thích:

- Dùng mạo từ “the” trước “kitchen” (the dùng trước danh từ chỉ vật riêng biệt mà cả người nói và người nghe đều hiểu.)

Question 20: Of all the world’s major oceans, _____ Arctic Ocean is the shallowest.

- A. an B. the C. a D. Ø

Đáp án B

Tạm dịch: Trong số tất cả các đại dương lớn trên thế giới, Bắc Băng Dương là nơi nông nhất.

Giải thích:

- Dùng mạo từ “the” trước “Arctic Ocean” (the dùng trước danh từ riêng chỉ biển, đại dương...)

Question 21: My uncle’s company made a very good profit in _____ 1990s.

- A. the B. Ø C. a D. an

Đáp án A

Tạm dịch: Công ty chú của tôi đã kiếm được lợi nhuận rất tốt trong những năm 1990.

Giải thích:

- in + năm: vào năm....

Ví dụ: in 2000, in 2019

- in + the + năm (thêm s): trong những năm....

Ví dụ: in the 1990s

Question 22: Park Hang-seo, who is the head coach of _____ Vietnam national football team, is a new idol of many people.

- A. Ø B. a C. the D. an

Đáp án C

Tạm dịch: Park Hang-seo, huấn luyện viên trưởng của đội tuyển bóng đá quốc gia Việt Nam, là một thần tượng mới của nhiều người.

Giải thích:

- Dùng mạo từ “the” trước nhóm vật thể được xem là duy nhất hoặc trước tên của các tổ chức, đội nhóm riêng.

Question 23: Africa has always had a large migratory population because of war and _____ famine.

- A. a B. an C. the D. Ø

Đáp án D

Tạm dịch: Châu Phi luôn có số dân di cư lớn vì chiến tranh và nạn đói.

- Không dùng mạo từ trước danh từ trừu tượng.

Question 24: My neighbor is _____ photographer. Let’s ask him for _____ advice about color film.

- A. a – the B. the – an C. a – Ø D. the – the

Đáp án C

Tạm dịch: Hàng xóm của tôi là một nhiếp ảnh gia. Hãy hỏi anh ấy cho lời khuyên về bộ phim màu.

Giải thích:

- Dùng mạo từ “a” trước “photographer” (a/an dùng trước danh từ chỉ nghề nghiệp.)
- Không dùng mạo từ trước danh từ không đếm được.

Question 25: The man grew up in _____ orphanage in _____ United Kingdom.

- A. the/ an B. an/ the C. an/ an D. the/ Ø

Đáp án B

Tạm dịch: Người đàn ông lớn lên trong một trại trẻ mồ côi ở Vương quốc Anh.

Giải thích:

- Dùng mạo từ “an” trước “orphanage” (a/an dùng trước danh từ khi nó mang ý nghĩa là “một”).
- Dùng mạo từ “the” trước “United Kingdom” (the dùng trước tên một số nước theo thể liên bang.)

Question 26: Housewives find it easier to do domestic chores thanks to _____ invention of labour-saving devices.

- A. an B. some C. the D. a

Đáp án C

Tạm dịch: Các bà nội trợ thấy việc nhà dễ dàng hơn nhờ phát minh ra các thiết bị tiết kiệm sức lao động.

Giải thích:

- Dùng mạo từ “the” trước “invention” (the dùng trước danh từ được xác định bằng cụm từ theo sau.)

Question 27: Apparently, _____ science, mathematics, and technology are defined as much by what they do and how they do it as they are by _____ results they achieve.

- A. the / the B. Ø / the C. Ø / Ø D. the / Ø

Đáp án B

Tạm dịch: Rõ ràng, khoa học, toán học và công nghệ được định nghĩa việc những gì họ làm và cách họ làm điều đó nhiều như là kết quả họ đạt được.

Giải thích:

- Không dùng mạo từ trước các danh từ chỉ các môn học, lĩnh vực khoa học.

- Dùng mạo từ “the” trước “results” (the dùng trước danh từ được xác định bằng mệnh đề sau nó.)

Question 28: More and more investors are pouring _____ money into food and beverage start-ups.

- A. the B. a C. an D. Ø

Đáp án D

Tạm dịch: Ngày càng có nhiều nhà đầu tư đổ tiền vào khởi nghiệp thực phẩm và đồ uống.

Giải thích:

- Không dùng mạo từ trước danh từ không đếm được.

Question 29: _____ man suffering from _____ shock should not be given anything to drink.

- A. A/the B. The/ a C. Ø/ a D. A/ Ø

Đáp án D

Tạm dịch: Một người đàn ông bị sốc không nên cho bất cứ thứ gì để uống.

Giải thích:

- Dùng mạo từ “a” trước “man” (a/an dùng trước danh từ khi nó mang ý nghĩa là “một”).

- Không dùng mạo từ trước danh từ trừu tượng.

***Note:** Suffer from sth/doing sth: phải chịu, gánh, bị cái gì/làm gì

Question 30: I won't be home for _____ dinner this evening. I'm meeting some friends after _____ work and we're going to _____ cinema.

- A. Ø /the/Ø B. The/ Ø /Ø C. Ø / Ø /the D. Ø /the/the

Đáp án C

Tạm dịch: Tối nay con sẽ không ăn cơm ở nhà. Con sẽ gặp một vài người bạn sau giờ làm việc và chúng con sẽ đi xem phim.

Giải thích:

- Không dùng mạo từ trước các bữa ăn (dinner).

- Không dùng mạo từ trước danh từ không đếm được (work)

- Dùng mạo từ “the” trước các địa điểm công cộng (the dùng trước từ “cinema”).

Question 31: “Did you have _____ nice holiday?” – “Yes, it was _____ best holiday I have ever had.”

- A. a – the B. the – the C. the – a D. a – a

Đáp án A

Tạm dịch: “Bạn đã có một kỳ nghỉ vui vẻ phải không?” – “Vâng, đó là một kỳ nghỉ tuyệt vời nhất tôi từng có”.

Giải thích:

- Dùng mạo từ “a” trước “nice holiday” (a/an dùng trước danh từ khi nó mang ý nghĩa là “một”).

- Dùng mạo từ “the” trong so sánh nhất.

Question 32: A worrying conclusion in the study called “Heat and Learning” is that _____ global warming may affect the future income of _____ students around the world.

- A. the/ the B. Ø/ the C. a/ many D. Ø/ Ø

Đáp án D

Tạm dịch: Một kết luận đáng lo ngại trong nghiên cứu có tên là “Nhiệt và Học tập” chính là sự nóng lên toàn cầu có thể ảnh hưởng đến thu nhập của sinh viên trên toàn thế giới trong tương lai.

Giải thích:

- Không dùng mạo từ trước cụm danh từ mang ý nghĩa trừu tượng, danh từ dùng với nghĩa chung.
- Không dùng mạo từ trước danh từ số nhiều, không xác định.

Question 33: The escaping prisoner camped in _____ woods but he didn't light _____ fire because _____ smoke rising from the wood might attract _____ attention.

A. the/a/ Ø /Ø

B. a/the/the/Ø

C. the/a/ Ø/the

D. a/a/ Ø / Ø

Đáp án A

Tạm dịch: Người tù vượt ngục cắm trại trong rừng nhưng anh ta không đốt lửa vì khói bốc lên từ gỗ có thể thu hút sự chú ý.

Giải thích:

- Dùng mạo từ “the” trước “woods” (**in the woods**: trong rừng => là một cụm)
- Dùng mạo từ “a” trước “fire” (ta có cụm **light a fire**: châm lửa.)
- Không dùng mạo từ trước “attention” - danh từ mang nghĩa chung, trừu tượng.

Question 34: My brother has been playing _____ piano since he was a small child.

A. the

B. a

C. no article

D. an

Đáp án A

Tạm dịch: Anh trai của tôi đã chơi đàn piano từ khi anh ấy còn là một đứa trẻ nhỏ.

Giải thích:

- Dùng mạo từ “the” trước “piano” (the dùng trước danh từ chỉ nhạc cụ.)

Question 35: Donald Trump is _____ president of _____ United States.

A. the/the

B. a/Ø

C. the/an

D. the/Ø

Đáp án A

Tạm dịch: Donald Trump là tổng thống của Hoa Kỳ.

- Dùng mạo từ “the” trong cấu trúc: the + N1 + of + N2
- Dùng mạo từ “the” trước “United States” (the dùng trước các quốc gia theo thể liên bang.)

Question 36: Our planned visit to _____ United Kingdom fell through because we were unable to get the visas.

A. a

B. an

C. the

D. no article

Đáp án C

Tạm dịch: Kế hoạch tham quan Vương quốc Anh của chúng tôi thất bại bởi vì chúng tôi không thể có được visa.

Giải thích:

- Dùng mạo từ “the” trước “United Kingdom” (the dùng trước các quốc gia theo thể liên bang.)

Question 37: According to _____ National Weather Service, _____ cyclones are _____ areas of circulating winds that rotate counterclockwise in _____ Northern Hemisphere and clockwise in _____ Southern Hemisphere

A. Ø/Ø/the/the/the

B. the/Ø/Ø/the/the

C. the/Ø/the/Ø/Ø

D. the/Ø/Ø/an/the

Đáp án B

Tạm dịch: Theo Trung tâm khí tượng quốc gia, lốc xoáy là khu vực có gió lưu thông quay ngược chiều kim đồng hồ ở Bắc bán cầu và theo chiều kim đồng hồ ở Nam bán cầu.

Giải thích:

- Dùng mạo từ “the” trước danh từ chỉ tên các cơ quan, tổ chức.
- Không dùng mạo từ trước các danh từ số nhiều mang ý nghĩa chung.
- Dùng mạo từ “the” trước danh từ chỉ phương hướng

Question 38: Bodies of _____ dead in the tragic accident yesterday were taken away.

- A. the B. a C. an D. Ø

Đáp án A

Tạm dịch: Thi thể của người chết trong vụ tai nạn thương tâm hôm qua đã được đem đi.

Giải thích:

- Dùng mạo từ “the” trước “dead” (the dùng trước một tính từ để tạo thành danh từ chỉ tên riêng ở dạng số nhiều.)

Question 39: _____ Socialist Republic of Vietnam is a country with a great patriotism through its history.

- A. The B. A C. An D. Ø

Đáp án A

Tạm dịch: Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một quốc gia có tinh thần yêu nước vĩ đại trong suốt lịch sử của quốc gia này.

Giải thích:

- Dùng mạo từ “the” trước cụm danh từ chỉ tên tổ chức.

Question 40: My parents hope to travel around _____ world next summer.

- A. a B. an C. the D. Ø

Đáp án C

Tạm dịch: Cha mẹ tôi hy vọng sẽ đi du lịch vòng quanh thế giới trong mùa hè tới.

Giải thích:

- Dùng mạo từ “the” trước “world” (the dùng trước danh từ chỉ vật thể hoặc nhóm vật thể là duy nhất hoặc được xem là duy nhất.)

***Note:** “Around the world: vòng quanh thế giới” - là một cụm từ cần nhớ

Question 41: A recent survey has shown that _____ increasing number of men are willing to share the housework with their wives.

- A. a B. an C. the D. some

Đáp án B

Tạm dịch: Một cuộc khảo sát gần đây đã chỉ ra rằng ngày càng có nhiều đàn ông sẵn sàng chia sẻ công việc nhà với vợ.

Giải thích

- Dùng mạo từ “an” trước “increasing number” vì:

=> Khi chèn tính từ “increasing” vào để bổ nghĩa thì ta chèn vào giữa “a” và “number”

+ A number of + N (số nhiều) + V (số nhiều): có nhiều cái gì

=> Vì “increasing” là tính từ bắt đầu bởi một nguyên âm nên “a” => “an”

+ The number of + N (số nhiều) + V (số ít): số lượng cái gì

=> Nếu chèn “increasing” vào cụm này thì vẫn dùng “the increasing number of” bình thường, nhưng ở đây cần dùng cụm mang nghĩa “nhiều” chứ không phải “số lượng cái gì”, do đó C không đúng.

Question 42: First our team should identify _____ specific need in the community and then carry out a project to address that need.

A. an

B. Ø

C. a

D. the

Đáp án C

Tạm dịch: Đầu tiên nhóm của chúng ta nên xác định một nhu cầu cụ thể trong cộng đồng và sau đó thực hiện một dự án để giải quyết nhu cầu đó.

Giải thích:

- Dùng mạo từ “a” trước “specific need” (a/an dùng trước danh từ khi nó mang ý nghĩa là “một”.)

Question 43: Domestic appliances like washing machines and dishwashers have made _____ life much easier.

A. the

B. a

C. Ø

D. An

Đáp án C

Tạm dịch: Các thiết bị gia dụng như máy giặt và máy rửa chén đã giúp cuộc sống dễ dàng hơn nhiều.

Giải thích:

- Không dùng mạo từ trước “life” (không dùng mạo từ trước danh từ mang ý nghĩa trừu tượng.)

Question 44: We moved to the countryside because we wanted to be close to _____ nature.

A. a

B. the

C. an

D. Ø

Đáp án D

Tạm dịch: Chúng tôi chuyển đến vùng nông thôn vì chúng tôi muốn gần gũi với thiên nhiên.

Giải thích:

- Không dùng mạo từ trước “nature” (không dùng mạo từ trước danh từ mang ý nghĩa trừu tượng.)

Question 45: She was drinking _____ glass of orange juice.

A. a

B. the

C. Ø

D. an

Đáp án A

Tạm dịch: Cô đang uống một ly nước cam.

Giải thích:

- Dùng mạo từ “a” trước “glass” (a/an dùng trước danh từ khi nó mang ý nghĩa là một.)

=> Ta có cụm từ: **A glass of + N; một cốc, một ly gì đó**

Question 46: Mrs Florida felt that her marriage had become _____ prison.

A. a

B. the

C. Ø

D. an

Đáp án A

Tạm dịch: Bà Florida cảm thấy rằng cuộc hôn nhân của mình đã trở thành một nhà tù.

Giải thích:

- Dùng mạo từ “a” trước “prison” (a/an dùng trước danh từ khi nó mang ý nghĩa là **một**.)

***Note:** Đây không phải thuộc dạng dùng the/O với các danh từ như prison/school/hospital/..., lưu ý chỉ áp dụng dạng này khi nó đi với cụm “go to the/O + prison/school/hospital/...”.

Question 47: Laura is _____ most intelligent girl I’ve ever known

A. an

B. Ø

C. a

D. the

Đáp án D

Tạm dịch: Laura là cô gái thông minh nhất mà tôi từng biết.

Giải thích:

- Dùng mạo từ “the” trước “most intelligent” (the dùng trước so sánh nhất.)

Question 48: _____ residents of the village are living a happy life although they lack _____ modern facilities.

A. Ø/ Ø

B. Ø/the

C. the/the

D. the/Ø

Đáp án D

Tạm dịch: Cư dân của ngôi làng đang sống một cuộc sống hạnh phúc mặc dù họ thiếu các tiện nghi hiện đại.

Giải thích:

- Dùng mạo từ “the” trước “residents” vì có cấu trúc **the + danh từ bị sở hữu + of + danh từ sở hữu**.
- Không dùng mạo từ trước **modern facilities** vì đây là danh từ số nhiều, không xác định.

Question 49: Tom sat down on _____ edge of a log and looked at _____ glassy surface of the lake.

A. a/a

B. the/the

C. Ø/the

D. the/ Ø

Đáp án B

Tạm dịch: Tom ngồi xuống mép khúc gỗ và nhìn vào mặt hồ phẳng lặng như mặt gương.

Giải thích:

- Dùng mạo từ “the” trong cụm “the edge of”.
- Dùng mạo từ “the” trước “glassy surface” vì có cấu trúc: **the + danh từ bị sở hữu + of + danh từ sở hữu**.

Question 50: _____ deposit of 5 pounds is payable by anyone who wishes to become _____ reader of the library.

A. A/a

B. The/the

C. The/ Ø

D. The/a

Đáp án A

Tạm dịch: Một khoảng tiền 5 bảng Anh phải được trả bởi người nào muốn trở thành độc giả của thư viện.

Giải thích:

- Dùng mạo từ “a” trước “deposit” (a/an dùng trước danh từ khi nó mang ý nghĩa là “một”, tránh nhầm lẫn khi thấy “5 pounds”).)
- Dùng mạo từ “a” trước “reader” (a/an dùng trước danh từ khi nó mang ý nghĩa là “một”).)

Exercise 2.1: Fill in the blanks with a(n), the. Put on X where none is required.

Question 1: The scientists are working on _____ drug capable of arresting the spread of cancerous cells.

Dịch nghĩa: Các nhà khoa học đang nghiên cứu một loại thuốc có thể ngăn chặn sự lây lan của tế bào ung thư.

=> Một loại thuốc => dùng mạo từ “a” trước “drug” (a/an dùng trước những danh từ khi nó mang ý nghĩa là “một”).

=> Đáp án: a

Question 2: In that mood I was unsuitable for attending _____ parents’ meeting at the school.

Dịch nghĩa: Trong tâm trạng đó, tôi không thích hợp để tham dự buổi họp phụ huynh tại trường.

=> buổi họp phụ huynh đã được xác định nên ta dùng mạo từ “the”

=> **Đáp án: the**

Cấu trúc cần lưu ý:

be (un)suitable for st/doing st: (không) phù hợp cho cái gì/ cho việc làm gì

Question 3: It's time he acted like _____ responsible adult and stopped blaming others for his wrongdoings.

Dịch nghĩa: Đã đến lúc cho anh ấy hành xử như một người trưởng thành có trách nhiệm và ngừng đổ lỗi cho người khác về những hành động sai trái của mình.

=> Một người trưởng thành có trách nhiệm => dùng mạo từ “a” trước “responsible adult”
(a/an dùng trước những danh từ khi nó mang ý nghĩa là “một”)

=> **Đáp án: a**

Cấu trúc cần lưu ý:

- It's (high/about) time + S + V (quá khứ đơn) = It's (high/about) time for sb + to V: đã đến lúc cho ai đó làm gì

- stop doing st: dừng hẳn làm gì

stop to do st: dừng lại để làm gì

- blame sb for st/doing st: đổ lỗi cho ai vì cái gì/ vì đã làm gì

Question 4: I liked reading in _____ garden, which was several steps below the level of the yard.

Dịch nghĩa: Tôi thích đọc sách ở vườn, nơi mà chỉ cách sân một vài bước chân.

=> Sử dụng mạo từ “the” vì “garden” đã xác định bởi mệnh đề quan hệ đằng sau dấu phẩy.

Question 5: Jason's father bought him _____ bike that he wanted for his birthday.

Dịch nghĩa: Bố Jason đã mua cho anh ấy chiếc xe đạp mà anh ấy muốn trong ngày sinh nhật.

=> “The” dùng trước một danh từ được xác định bằng một mệnh đề: “that he had...”

Question 6: _____ Statue of Liberty was a gift of friendship from _____ France to _____ United states.

Dịch nghĩa: Tượng nữ thần tự do là một món quà của tình bạn từ nước Pháp gửi đến nước Mỹ.

=> Sử dụng mạo từ THE – NONE – THE

Chỗ trống thứ nhất chỉ danh từ độc nhất: Tượng nữ thần tự do.

Chỗ trống thứ 2: France là tên một quốc gia không cần sử dụng mạo từ.

Chỗ trống thứ 3: Mỹ là một nước theo quy tắc phải có “THE”.

Question 7: Rita is studying _____ English and _____ Math this semester.

Dịch nghĩa : Rita đang học Tiếng Anh và Toán học kì này.

=> Không sử dụng mạo từ đối với những danh từ chỉ môn học.

Question 8: Do you know _____ man who is waiting for the bus over there?

Dịch nghĩa: Bạn có biết người đàn ông người mà đang đợi ở bến xe buýt đằng kia không?

=> Sử dụng mạo từ “the” vì “man” đã được xác định bởi mệnh đề quan hệ “who”.

Question 9: Please give me _____ cup of _____ coffee with _____ cream and _____ sugar.

Dịch nghĩa : Làm ơn cho tôi một ly cà phê với kem và đường.

=> **Đáp án: a/none/none/none**

Giải thích:

+ dùng mạo từ “a” trước “cup” vì ta có cụm “a cup of” (1 tách...)

+ không dùng mạo từ trước danh từ không đếm được (coffee, cream, sugar...)

Question 10: _____ big books which are on _____ table are for my history class.

Dịch nghĩa: Những quyển sách lớn trên bàn là dành cho lớp học lịch sử của tôi.

=> Sử dụng mạo từ THE – THE

Giải thích:

+ “The” dùng trước “big books” (the dùng trước những danh từ được xác định bởi một mệnh đề quan hệ ở phía sau)

+ “the” dùng trước “table” => on the table (ở trên bàn)

Question 11: My _____ car is four years old, but it still runs well.

Dịch nghĩa: Cái xe hơi của tôi được 4 năm rồi nhưng nó vẫn chạy tốt ấy chứ.

=> “NONE” không sử dụng mạo từ vì đã có tính từ sở hữu “my”.

Question 12: There are only _____ few seats for _____ tonight’s musical.

Dịch nghĩa: Chỉ còn vài chỗ ngồi cho buổi hoà nhạc tối nay.

- Key: A - O

=> Chỗ trống thứ nhất “A FEW” mang nghĩa 1 ít đi với danh từ đếm được số nhiều “seats”. Vì ý là vẫn có chỗ ngồi nhưng chỉ còn ít, chứ không nên dùng “few + N(số nhiều)” mang nghĩa gần như không có, không đủ để ngồi nữa nên vị trí đầu dùng “a”

=> Chỗ trống thứ 2 ta không dùng mạo từ. Vì có chứa sự sở hữu “tonight’s” thì ta không dùng mạo từ. Về bản chất, ta dùng “for tonight” chứ không dùng “for the tonight” nên khi có sự sở hữu, ta không dùng mạo từ cho “tonight” trong trường hợp này

***Note:** Chỉ khi “the” đi kèm như một cụm từ cố định mà không phải có chức năng làm mạo từ xác định như cụm “in the afternoon”, thì khi đó có sự sở hữu vẫn không ảnh hưởng.

Question 13: _____ chair that you are sitting in is broken.

Dịch nghĩa: Cái ghế mà bạn đang ngồi bị hỏng rồi.

=> Sử dụng mạo từ THE vì “chair” đã được xác định bởi đại từ quan hệ “THAT”.

Question 14: _____ Civil War was fought in _____ United States between 1861 and 1865.

Dịch nghĩa: Nội chiến Mỹ diễn ra giữa năm 1861 và 1865.

=> Sử dụng mạo từ THE – THE

Giải thích:

+ “the” dùng trước tên của các cuộc chiến tranh

+ “the” dùng trước “United States” theo quy tắc dùng the trước tên một số quốc gia

Question 15: We went by _____ train to the west of England.

Dịch nghĩa: Chúng tôi đã đi bằng tàu đến phía tây của nước Anh.

=> Không sử dụng mạo từ trước các phương tiện giao thông.

Question 16: _____ people who live in _____ Scotland are called the Scots.

Dịch nghĩa: Những người mà đang sống ở Scotland được gọi là Scots.

=> Sử dụng THE – NONE vì chỗ trống thứ nhất “people” đã xác định bởi mệnh đề quan hệ “who”. Chỗ trống thứ hai chỉ quốc gia, vùng ta không dùng “the” vì chỉ dùng “the” trước các quốc gia có nhiều đảo, bang,... như US/UK

Question 17: This house is very nice. Has it got _____ garden?

Dịch: Ngôi nhà này rất đẹp. Nó có một khu vườn không?

Đáp án: a

Giải thích: dùng mạo từ “a” trước danh từ khi nó mang ý nghĩa là **một**

Question 18: There isn't _____ airport near where I live. _____ nearest airport is 70 miles away.

Dịch nghĩa: Không có một cái sân bay nào gần nơi tôi sống. Cái gần nhất cũng cách 70 dặm.

=> Sử dụng mạo từ AN – THE

Vì:

+ “a” dùng trước “airport” khi nó mang ý nghĩa là “một”

+ “the” dùng trước “nearest” (the dùng trước tính từ so sánh nhất)

Question 19: Did you have _____ nice holiday? Yes, it was _____ best holiday I've ever had.

Dịch nghĩa: Bạn đã có một kì nghỉ vui phải chứ? Ừ, đó là kì nghỉ tuyệt nhất tôi từng có.

=> Sử dụng A – THE

Vì:

+ dùng “a” trước “nice holiday” (dùng a/an trước những danh từ khi nó mang ý nghĩa là một)

+ dùng “the” trước “best holiday” (dùng the trước tính từ so sánh nhất)

Question 20: Mai always plays _____ piano whenever she has free time.

Dịch: Mai luôn luôn chơi piano bất cứ khi nào cô ấy có thời gian rảnh.

=> Sử dụng mạo từ THE trước các dụng cụ âm nhạc.

Question 21: My daughter was born on _____ fifth of January.

Dịch: Con gái tôi được sinh vào ngày mừng 5 tháng 1.

=> Sử dụng mạo từ THE vì the + số thứ tự.

Question 22: Yesterday I went to _____ school by _____ bus because my bike had been broken down.

Dịch: Hôm qua, tôi đã tới trường bằng xe buýt vì xe đạp của tôi bị hỏng.

=> Không sử dụng mạo từ cho cả 2 ô trống.

Vì:

+ ở chỗ trống thứ nhất không dùng THE với một số danh từ như “school, hospital, church, prison” khi bạn đến nơi đó với mục đích chính của mình, còn nếu không phải mục đích chính thì mới sử dụng mạo từ THE.

+ ở chỗ trống thứ 2 không dùng THE trước các phương tiện giao thông (by + tên phương tiện).

Question 23: It takes me _____ hour to finish my work.

Dịch: Nó mất của tôi một giờ để hoàn thành công việc.

=> Dùng mạo từ a/an trước danh từ khi nó mang ý nghĩa là “một”

Đáp án: an

Question 24: She used to have _____ cat and _____ dog but _____ dog died.

Dịch: Tôi đã từng có một con mèo và một con chó. Nhưng con chó đã chết rồi.

=> Đáp án: A- A – THE (vì chỗ trống thứ nhất và thứ 2 là những danh từ được nhắc đến lần đầu tiên. Chỗ trống thứ 3 “dog” được xác định vì nhắc lại lần 2.

Question 25: English is spoken all over _____ world.

Dịch: Tiếng anh được nói trên khắp thế giới.

=> Sử dụng mạo từ THE vì “world” là sự vật duy nhất nên có mạo từ THE trước danh từ.

Question 26: _____ deaf are unable to hear anything.

Dịch: Những người khiếm thính là những người không thể nghe gì hết.

=> Sử dụng mạo từ THE vì THE + ADJ = N(chi tập hợp người)

Question 27: I like studying _____ math best.

Dịch: Tôi thích học môn Toán nhất.

=> Không sử dụng mạo từ trước môn học => NONE

Question 28: People all over the world like _____ football.

Dịch nghĩa: Mọi người trên thế giới thích bóng đá.

=> Không sử dụng mạo từ trước các môn thể thao => NONE

Question 29: _____ tea is produced in Thai Nguyen.

Dịch: Chè được sản xuất ở Thái Nguyên.

=> Không dùng mạo từ trước danh từ không đếm được và không xác định.

Question 30: I wish today were on _____ Sunday.

Dịch: Tôi ước hôm nay là chủ nhật.

=> Không sử dụng mạo từ trước các thứ trong tuần => NONE

Question 31: I often have _____ breakfast at 6:00 pm and _____ lunch at 11:00 pm.

Dịch: Tôi thường ăn sáng lúc 6h và ăn trưa lúc 11h.

=> Không sử dụng mạo từ trước các bữa ăn trong ngày => NONE – NONE.

Question 32: She gave me _____ apple and gave Lan 2 _____ apples.

Dịch: Cô ấy cho tôi một quả táo và cho Lan 2 quả táo.

=> Sử dụng mạo từ AN – NONE. Vì:

+ dùng “an” trước “apple” (dùng a/an trước danh từ khi nó mang ý nghĩa là “một”)

+ không dùng mạo từ trước danh từ số nhiều mà không xác định. Vì cùng là “apple” nhưng quả táo đầu hoàn toàn khác 2 quả táo sau vì đưa cho người này một quả, thì phải đưa cho người kia hai quả khác. Nên không thể hiểu “apple” được nhắc lại lần 2 nên nó xác định được

Question 33: _____ Smiths are going to Ha Long bay next summer.

Dịch: Gia đình nhà Smiths sẽ đi Hạ Long mùa hè tới.

=> Sử dụng mạo từ THE vì THE dùng trước N(tên riêng ở dạng số nhiều) để chỉ cả gia đình nhà họ

Question 34: If I won the lottery, first I would buy _____ piece of land in the country.

Dịch: Nếu tôi thắng Vietlot, đầu tiên tôi sẽ mua một mảnh đất ở nông thôn.

=> Sử dụng mạo từ “a” vì ta có cụm “a piece of land - một miếng đất”

Question 35: This morning I bought a newspaper and ____ magazine. ____ newspaper is in my bag but I don't know where I put ____ magazine.

Dịch: Sáng nay, tôi đã mua một tờ báo và một tạp chí. Tờ báo thì ở trong cặp nhưng tôi không biết để tờ tạp chí chỗ nào nữa.

=> Sử dụng mạo từ A – THE – THE vì

+ ở chỗ trống thứ nhất danh từ lần đầu tiên được nhắc đến “a” .

+ ở chỗ trống thứ 2 và 3 danh từ được nhắc tới lần thứ 2 => “the”.

Question 36: I saw ____ accident this morning. ____ car crashed into ____ tree. ____ driver of ____ car wasn't hurt but ____ car was badly damaged.

Dịch: Tôi đã thấy vụ tai nạn sáng nay. Một chiếc xe hơi đâm vào một cái cây. Tài xế xe hơi không bị thương nhưng mà chiếc xe thì bị hư hỏng nặng.

Đáp án: an/a/a/the/the/the

Giải thích:

+ dùng “an” trước “accident” (dùng a/an trước danh từ khi nó mang ý nghĩa là “một”)

+ dùng “a” trước “car” và “tree” (dùng a/an trước danh từ khi nó mang ý nghĩa là “một”)

+ dùng “the” trước “driver” (dùng the đứng trước danh từ + of + danh từ)

+ dùng “the” trước “car” (dùng the trước danh từ khi nó được nhắc tới từ lần thứ hai trở đi)

Question 37: Maria comes from ____ United States. She is ____ American girl.

Dịch: Maria đến từ Mỹ. Cô ấy là một cô gái người Mỹ.

=> Sử dụng mạo từ THE – AN

Vì:

+ dùng “the” trước “United States” theo quy tắc dùng “the” trước tên một số quốc gia

+ dùng “an” trước “American girl” (a/an dùng trước danh từ khi nó mang ý nghĩa là một)

Question 38: The boy said: “ ____ moon is bigger than ____ earth.”

Dịch: Thằng bé nói: “Mặt trăng thì to hơn trái đất”.

=> Sử dụng mạo từ THE – THE vì đây là những thứ tồn tại duy nhất và chỉ có một.

Question 39: I bought ____ car last week. ____ car is over there.

Dịch: Tôi đã mua một chiếc xe hơi tuần trước. Nó đang ở đằng kia kìa.

=> Sử dụng mạo từ A – THE

Vì:

+ chỗ trống thứ nhất “car” lần đầu được nhắc đến => A.

+ chỗ trống thứ hai “car” được nhắc tới lần thứ hai => THE.

Question 40: I need ____ few apples but ____ lot of sugar.

Dịch: Tôi cần một ít táo nhưng thật nhiều đường.

Đáp án: a/a

Vì:

+ a few (1 vài, 1 ít) , a lot of (nhiều) là những cụm từ chỉ số lượng

Question 41: Where is _____ nearest shop? There is one at _____ end of this street.

Dịch: Cửa hàng gần nhất ở đâu? Có một cái ở cuối con đường này.

=> Sử dụng THE – THE vì chỗ trống thứ nhất là so sánh nhất, chỗ trống thứ 2 “at the end of sth”: cuối cùng của cái gì.

Question 42: My friends live in _____ old house in _____ small village. There is _____ beautiful garden behind _____ house. I would like to have _____ garden like that.

Dịch: Bạn bè tôi sống trong một ngôi nhà cũ trong một ngôi làng nhỏ. Có một khu vườn xinh xắn phía sau nhà. Tôi muốn có một khu vườn như thế.

Đáp án: an/a/a/the/a

Giải thích:

+ dùng mạo từ a/an trước những danh từ khi nó mang ý nghĩa là “một”

+ dùng mạo từ “the” khi danh từ được nhắc tới lần thứ hai

Question 43: The office walls and furniture are _____ uniform grey.

Dịch nghĩa: Các bức tường văn phòng và đồ nội thất cùng một màu xám.

Đáp án: a

=> Dùng mạo từ “a” trước danh từ khi nó mang ý nghĩa là “một” và “uniform” bắt đầu với chữ “u” được phát âm là /ju/-là một phụ âm nên ta không dùng “an”.

Question 44: John and Mary went to _____ school yesterday and then studied in _____ library before returning home.

Dịch: Hôm qua John và Mary đến lớp, sau đó lên thư viện học trước khi về nhà.

Đáp án: 0/the

Lý do:

+ không dùng mạo từ trước “school” vì Mary và John đi học. Ta chỉ dùng mạo từ “the” với nó khi đến nơi đó không đúng mục đích thực của nó, chẳng hạn đến trường để thăm lại trường chứ không phải đi học.

+ dùng “the” trước “library” (dùng the trước địa điểm công cộng)

Question 45: On our trip to _____ Spain, we crossed _____ Atlantic Ocean.

Dịch: Trong chuyến đi của chúng tôi là đến Tây Ban Nha, chúng tôi đã băng qua Đại Tây Dương.

=> **KEY: NONE – THE**

=> Vì chỗ trống thứ nhất không dùng mạo từ trước tên các quốc gia không theo chế độ nhiều bang, đảo (thường danh từ của nó ở dạng số ít). Chỗ trống thứ hai dùng THE trước tên đại dương, sông ngòi.

Question 46: Rita plays _____ violin and her sister plays _____ guitar.

Dịch : Rita chơi violin và chị cô ấy chơi gita.

=> Sử dụng mạo từ THE – THE vì the + tên nhạc cụ âm nhạc.

Question 47: David played _____ basketball and _____ baseball at _____ Boy’s club this year.

Dịch : David đã chơi bóng chuyền và bóng chày ở câu lạc bộ của các chàng trai năm nay.

=> **Key: NONE – NONE – THE**

=> Vì 2 chỗ trống đầu không được sử dụng mạo từ trước các môn thể thao khi. Chỗ trống cuối cùng dùng mạo từ THE + TÊN CÁC CÂU LẠC BỘ.

Question 48: The political science class is taking _____ trip to _____ France in _____ Spring.

Dịch: Lớp khoa học chính trị sẽ có 1 chuyến đi tới Pháp vào mùa xuân.

Đáp án: a/0/0

Giải thích:

- + dùng mạo từ “a” trước “trip” (a/an dùng trước những danh từ khi nó mang ý nghĩa là một)
- + không dùng mạo từ trước “France”
- + không dùng mạo từ trước thứ, ngày, tháng, năm, mùa (nếu không xác định)

Question 49: Last night there was _____ bird singing outside my house.

Dịch: Tối qua, có một con chim hót bên ngoài nhà tôi.

=> Dùng mạo từ a/an trước những danh từ khi nó mang ý nghĩa là “một”

Đáp án: a

Question 50: He is _____ honest person.

Dịch: Anh ấy là một người thật thà.

=> Dùng mạo từ a/an trước những danh từ khi nó mang ý nghĩa là một.

Đáp án: an

Exercise 2.2: Fill in the blanks with a(n), the. Put on X where none is required.

Question 1: _____ photographs show him wearing _____ T-shirt and ripped jeans that were _____ student's uniform of _____ time.

Dịch nghĩa: Những bức ảnh cho thấy anh ta mặc áo phông và quần jean rách là đồng phục của học sinh thời đó.

Đáp án: X/the/the/the

Giải thích:

- + không dùng mạo từ trước danh từ số nhiều “photographs” khi nó chưa xác định
- + dùng mạo từ “the” trước “T-shirt” vì nó được xác định bởi mệnh đề quan hệ ở phía sau
- + dùng mạo từ “the” đứng trước danh từ + of + danh từ

Question 2: He is _____ one-eyed man.

Dịch: Ông ta là một người mắt chột.

Đáp án: a

Giải thích: Dùng “a” trước “one-eyed man” vì đây là một ngoại lệ trong cách sử dụng của mạo từ a/an

Question 3: There is _____ useful method of learning English.

Dịch: Có một phương pháp hiệu quả để học Tiếng anh.

Đáp án: a

Giải thích: dùng mạo từ a/an trước danh từ khi nó mang ý nghĩa là “một”

Question 4: I've got _____ uncle.

Dịch: Tôi có một ông chú/bác.

Đáp án: an (dùng mạo từ a/an trước danh từ khi nó mang ý nghĩa là “một”)

Question 5: Your shoes are under _____ bed.

Dịch: Giày của bạn ở dưới gầm giường.

=> Sử dụng mạo từ THE vì chỉ vị trí xác định cho “ your shoes”. Khi nói đến “bed” ở đây thì cả người nói và người nghe đều hiểu, vì người nói rõ ràng biết “bed” nào để chỉ cho người kia, còn người kia cũng hiểu được “bed” vì nó đang chỉ đến vị trí xác định cho giày của họ “your shoes”, do vậy ta dùng mạo từ.

Question 6: There is a strike at _____ hospital.

Dịch: Có một vụ đình công ở bệnh viện.

*Theo quy tắc, không dùng THE với một số danh từ như “school, hospital, church, prison” khi đi đến đó vì mục đích đúng theo chức năng của nơi đó là “đi học/đi khám/đi cầu nguyện/đi tù/...” và dùng THE khi đến những nơi đó mà không đúng chức năng thực của nó (chẳng hạn đi tù không phải vì bị bắt đi tù mà đến để thăm ai đó)

=> Trong trường hợp này ta dùng THE HOSPITAL vì căn cứ vào ngữ cảnh của câu, đi đến bệnh viện để đình công chứ không vì mục đích chính là khám bệnh.

Question 7: There is _____ onion left in the fridge.

Dịch: Còn một củ hành ở trong tủ lạnh.

Giải thích: dùng mạo từ a/an trước những danh từ khi nó mang ý nghĩa là “một”. Vì "onion" bắt đầu bằng một nguyên âm nên ta dùng mạo từ an.

Đáp án: an

Question 8: There is a splendid view of _____ Lake Geneva from his hotel.

Dịch: Từ khách sạn của anh ấy có thể ngắm cảnh hồ Geneva tuyệt đẹp.

=> Trước tên hồ không dùng mạo từ.

=> Key: O

Question 9: She is _____ nurse, so her work is to take care of _____ sick.

Dịch nghĩa: Cô ấy là một y tá, vì thế công việc của cô ấy là chăm sóc người bệnh.

=> Chỗ trống thứ nhất, dùng mạo từ “a” trước danh từ chỉ nghề nghiệp

=> Chỗ trống thứ hai, ta có cấu trúc: the + Adj => danh từ chỉ tập hợp người, nên ta dùng mạo từ “the”.

=> Đáp án: a – the

Cấu trúc cần lưu ý:

- Take care of: chăm sóc

Question 10: _____ summer is _____ warmest season but _____ summer of 1971 was unusually cool.

Dịch: Mùa hè là mùa nóng nhất trong năm nhưng mùa hè năm 1971 thì lại mát mẻ đến lạ.

Đáp án: X/the/the

Giải thích:

+ Vị trí trống đầu không dùng mạo từ => vì không dùng mạo từ trước danh từ chỉ mùa (không xác định)

+ dùng mạo từ “the” trước so sánh nhất

+ mùa hè năm 1971 đã xác định nên ta dùng “the”

Question 11: He began to him _____ song. It was _____ old popular song.

Dịch nghĩa: Anh ta bắt đầu hát một bài. Đó là một bài hát nổi tiếng.

=> Dùng mạo từ a/an trước danh từ khi nó mang ý nghĩa là ‘một’.

=> Đáp án: a - an

Question 12: _____ deaf are _____ people who can't hear anything.

Dịch: Người điếc là người không thể nghe thấy gì hết.

Đáp án: the/the

Giải thích:

+ The + adj => N(chỉ tập hợp): the deaf (người điếc)

+ The dùng trước danh từ khi nó được xác định bằng mệnh đề quan hệ

Question 13: My hometown is on the bank of _____ Red river.

Dịch: Quê của tôi ở bên bờ sông Hồng.

Đáp án: the (the dùng trước tên của các con sông)

Question 14: Tung's father bought him _____ bicycle that he had wanted for his birthday.

Dịch nghĩa: Bố của Tùng đã mua cho anh ấy chiếc xe đạp mà anh ấy muốn trong ngày sinh nhật.

=> Danh từ chiếc xe đạp đã được xác định bởi mệnh đề quan hệ có “that” phía sau nên ta dùng mạo từ “the”.

=> Đáp án: the

Question 15: My mother goes to church in _____ morning.

Dịch nghĩa: Mẹ của tôi đi đến nhà thờ vào buổi sáng.

=> Theo cấu trúc “in the + các buổi trong ngày” (morning, afternoon, evening) nên ta dùng mạo từ “the”.

=> Đáp án: the

Question 16: I eat _____ banana every day.

Dịch: Tôi ăn một quả chuối mỗi ngày.

Đáp án: a (a/an dùng trước những danh từ khi nó mang ý nghĩa là một)

Question 17: Harry is a sailor. He spends most of his life at _____ sea.

Dịch: Harry là một thủy thủ. Chú ấy dành phần lớn cuộc đời mình lênh đênh trên biển.

Ta có:

+ **at sea:** lênh đênh trên biển

Đáp án: không dùng mạo từ

Question 18: _____ young man listened to _____ conversation with _____ amused smile.

Dịch nghĩa: Chàng trai trẻ đó đã nghe cuộc hội thoại với một nụ cười thích thú.

Đáp án: the/the/an

Giải thích:

- Theo ngữ cảnh của câu => chàng trai trẻ đó đã được xác định vì trong ngữ cảnh này cả người nghe và người nói đều hiểu được “chàng trai trẻ” là chàng trai nào (họ đều biết người đó và thấy anh ta đã nghe cuộc hội thoại với một nụ cười thích thú) => dùng mạo từ “the” trước “young man”

- cuộc hội thoại đó => đã xác định => dùng mạo từ “the”

- dùng mạo từ a/an trước danh từ khi mang ý nghĩa là “một”

Question 19: He tried to park his car but _____ space wasn't big enough.

Dịch nghĩa: Anh ấy đã cố gắng đỗ chiếc xe nhưng khoảng trống là quá nhỏ.

=> Căn cứ vào tình huống, ta thấy danh từ khoảng trống đã được xác định nên ta dùng mạo từ "the".

=> Đáp án: the

Question 20: We had _____ dinner in a restaurant.

Dịch: Chúng tôi đã ăn tối ở một nhà hàng.

=> không dùng mạo từ trước tên của các bữa ăn

Đáp án: X

Question 21: We had _____ meal in a restaurant.

Dịch nghĩa: Chúng tôi đã có một bữa ăn tại một nhà hàng.

=> Dùng mạo từ a/an trước danh từ khi nó mang ý nghĩa là "một"

=> Đáp án: a

Question 22: _____ rose is my favorite color.

Dịch nghĩa: Màu hồng là màu sắc ưa thích của tôi.

=> Không dùng mạo từ với danh từ chỉ màu sắc chung chung.

=> Đáp án: none

Question 23: He heard _____ popular song played by _____ dance band on _____ radio.

Dịch nghĩa: Anh ấy đã nghe một bài hát nổi tiếng được chơi bởi một nhóm vũ đạo trên đài radio.

=> **Đáp án:** a - a - the

Giải thích:

+ a/an: dùng trước danh từ khi mang ý nghĩa là "một"

+ dùng "the" trước "radio" khi cả người nói và người nghe đều biết rõ về nó

Question 24: _____ fact that he would have independent means made her feel relieved.

Dịch nghĩa: Việc anh ta có phương thức độc lập khiến cô ấy cảm thấy nhẹ lòng.

=> Danh từ sự thật được xác định bởi mệnh đề quan hệ "that" đằng sau nên ta dùng mạo từ "the".

=> Đáp án: the

Question 25: Mary loves _____ flowers.

Dịch nghĩa: Mary thích hoa.

=> Danh từ hoa số nhiều và mang nghĩa chung chung nên ta không dùng mạo từ.

=> Đáp án: O

Question 26: Jill went to _____ hospital to see her friend.

Dịch nghĩa: Jill đã đến bệnh viện để thăm bạn cô ấy.

=> Trường hợp này đến bệnh viện để thăm bạn chứ không phải mục đích chính là khám bệnh nên ta dùng mạo từ "the".

=> Đáp án: the

Question 27: Mrs Lan went to ____ school to meet her son's daughter.

Dịch nghĩa: Bà Lan đã đến trường để gặp cháu gái của bà ấy.

=> Trường hợp này đến trường để gặp cháu chứ không phải mục đích chính là học nên ta dùng mạo từ "the".

=> Đáp án: the

Question 28: Carol went to _____ prison to meet her brother.

Dịch nghĩa: Carol đã đến nhà giam để thăm anh trai cô ấy.

=> Trường hợp này đến nhà giam để thăm anh trai chứ không phải bị đi tù nên ta dùng mạo từ "the".

=> Đáp án: the

Question 29: _____ questions Ann asked always seemed to be _____ questioned to which Paul knew the answers.

Dịch: Những câu hỏi mà Ann hỏi dường như luôn được để thử xem Paul biết câu trả lời nào.

=> Dùng mạo từ "the" trước "questions" vì danh từ "questions" đã được xác định bằng mệnh đề phía sau

=> Không dùng mạo từ trước động từ

Đáp án: the/X

Question 30: She works six days _____ week.

Dịch nghĩa: Cô ấy đi làm 6 ngày một tuần.

=> Dùng mạo từ a/an trước những danh từ khi nó mang ý nghĩa là "một"

=> Đáp án: a

Question 31: _____ sun is a star.

Dịch nghĩa: Mặt trời là một vì sao.

=> Ta có thể chỉ sự vật có một, duy nhất thì ta dùng mạo từ "the".

=> Đáp án: the

Question 32: What did you have for _____ breakfast this morning.

Dịch nghĩa: Bạn đã ăn gì sáng nay?

=> Không dùng mạo từ trước bữa ăn trong ngày.

=> Đáp án: X

Question 33: London is _____ capital of England.

Dịch nghĩa: London là thủ đô của nước Anh.

=> dùng mạo từ "the" trước những gì là duy nhất, độc nhất (thủ đô mỗi nước chỉ có một)

=> Đáp án: the

Question 34: When was _____ telephone invented?

Dịch nghĩa: Điện thoại được phát minh ra khi nào?

=> Dùng mạo từ "the" trước tên của các phát minh.

=> Đáp án: the

Question 35: What he said reminded me of _____ film I had seen.

Dịch nghĩa: Điều anh ta vừa nói làm tôi nhớ lại bộ phim mà tôi đã xem.

=> Danh từ bộ phim được xác định bởi mệnh đề quan hệ rút gọn phía sau, nên ta sử dụng mạo từ “the”.

=> Đáp án: the

Question 36: We haven't been to _____ cinema for years.

Dịch nghĩa: Chúng tôi không đi xem phim đã nhiều năm rồi.

=> Ta dùng mạo từ “the” trước những danh từ chỉ địa điểm công cộng: cinema, theater, zoo ...

=> Đáp án: the

Question 37: Do you need _____ umbrella?

Dịch nghĩa: Bạn có cần mang theo một chiếc ô không?

=> Danh từ chiếc ô được nhắc tới lần đầu tiên (chưa xác định) và danh từ bắt đầu bằng một nguyên âm nên ta dùng mạo từ “an”.

=> Đáp án: an

Question 38: _____ injured man was taken to _____ hospital.

Dịch nghĩa: Một người đàn ông bị thương đã được đưa đến bệnh viện.

=> Người đàn ông bị thương được nhắc đến lần đầu tiên nên ta dùng mạo từ “a/an”. Tuy nhiên, đứng trước một tính từ bắt đầu bởi một nguyên âm /i/ nên ta dùng “an”.

Chỗ trống thứ 2:

Trường hợp này người bị thương được đưa đến viện để chữa trị => đúng với mục đích của bệnh viện => không dùng mạo từ.

=> Đáp án: An - X

Question 39: She went out without _____ money.

Dịch nghĩa: Cô ấy đi ra ngoài mà không có một đồng nào.

=> không dùng mạo từ trước danh từ không đếm được

=> Đáp án: none

Cấu trúc cần lưu ý:

Go out: mất điện, ra ngoài, đi chơi

Question 40: Tosi speaks _____ Japanese at home.

Dịch nghĩa: Tosi nói tiếng Nhật ở nhà.

=> Ta có trước một ngôn ngữ ta không dùng mạo từ.

=> Đáp án: none

Question 41: A man and a woman were standing outside my house. _____ man looked like the English but I don't think _____ woman was a foreigner.

Dịch nghĩa: Một người đàn ông và một người phụ nữ đang đứng bên ngoài nhà tôi. Người đàn ông trông giống người Anh nhưng tôi không nghĩ người phụ nữ mới là người nước ngoài.

=> Hai danh từ “người đàn ông” và “người phụ nữ” ở đây đều là những danh từ được nhắc lại lần 2 và đã xác định từ câu đứng trước nên ta dùng mạo từ “the”.

=> Đáp án: the - the

Question 42: The Soviet Union was _____ first country to send a man into _____ space.

Dịch nghĩa: Liên Xô là nước đầu tiên đưa con người vào vũ trụ.

=> Chỗ trống thứ nhất, ta có cấu trúc: The + Số thứ tự

Chỗ trống thứ 2, ta có cụm: into space (vào vũ trụ)

=> Đáp án: the - X

Question 43: Did you watch “Titanic” on _____ television or at _____ cinema?

Dịch nghĩa: Bạn đã xem bộ phim Titanic trên ti vi hay ở rạp chiếu phim?

=> Đáp án: X - the

Ta có:

+ on television: trên tivi

+ The dùng trước các địa điểm công cộng

Question 44: After _____ lunch, we went for a walk by _____ sea.

Dịch nghĩa: Sau bữa trưa, chúng tôi đã đi bộ dọc bờ biển.

=> Chỗ trống thứ nhất: ta có quy tắc, trước bữa ăn không dùng mạo từ.

Chỗ trống thứ hai, ta có cụm “by the sea”: dọc bờ biển

=> Đáp án: X - the

Question 45: Peru is _____ country in South America. _____ capital is Lima.

Dịch nghĩa: Peru là một nước ở Nam Mỹ. Thủ đô là Lima.

=> Chỗ trống thứ nhất, danh từ đất nước được nhắc tới lần đầu tiên (chưa xác định) nên ta dùng mạo từ “a”.

Chỗ trống thứ hai, danh từ thủ đô đã được xác định(duy nhất) bởi “Peru” nên ta dùng mạo từ “the”.

=> Đáp án: a - the

Question 46: It was a beautiful day. _____ sun shone brightly in _____ sky.

Dịch nghĩa: Hôm nay là một ngày đẹp trời. Mặt trời chiếu sáng chói chang trên bầu trời.

=> Ta có quy tắc dùng mạo từ “the” trước những vật duy nhất, nên ở hai vị trí trống ta đều dùng mạo từ “the”.

=> Đáp án: the - the

Question 47: It is said that Robin Hood robbed _____ rich and gave the money to _____ poor.

Dịch nghĩa: Người ta nói rằng Robin Hood đã trộm của người giàu và cho người nghèo.

=> Ta có cấu trúc: The + adj = danh từ chỉ tập hợp người, nhóm người cụ thể.

=> Đáp án: the - the

Question 48: Life is not so easy for _____ unemployed.

Dịch nghĩa: Cuộc sống thì không dễ dàng cho những người thất nghiệp.

=> Ta có cấu trúc: The + adj = danh từ chỉ tập hợp người, nhóm người cụ thể.

=> Đáp án: the

Question 49: On our trip to Spain, we crossed _____ Atlantic Ocean.

Dịch nghĩa: Trên chuyến đi của chúng tôi đến Tây Ban Nha, chúng tôi đã băng qua Thái Bình Dương.

=> Ta dùng mạo từ “the” trước tên đại dương, biển, vùng vịnh.

=> Đáp án: the

Question 50: Mel's mother is in _____ hospital, so we went to visit her last night.

Dịch nghĩa: Mẹ của Mel đang nằm viện, vì thế tối hôm qua chúng tôi đã vào thăm cô ấy.

=> Trong trường hợp này người bệnh đang nằm viện vì mục đích chính nên không dùng mạo từ xác định "the".

=> Đáp án: X

Exercise 3: Mark the letter A, B, C or D to indicate the underlined part that needs correction in each of the following questions.

ĐÁP ÁN

1. D	2. A	3. C	4. D	5. A	6. C	7. C	8. A	9. C	10. B
------	------	------	------	------	------	------	------	------	-------

Question 1: Once tested for viruses, the software can be installed in the school computer system for the use.

A. tested

B. the

C. can be installed

D. for the use.

Đáp án D

Tạm dịch: Khi đã được kiểm tra virus, phần mềm có thể được cài đặt trong hệ thống máy tính nhà trường cho việc sử dụng.

Sửa lỗi: for the use => for use

Question 2: It was only birthday he had celebrated since he was a child.

A. only

B. had celebrated

C. was

D. a

Đáp án A

Tạm dịch: Đó là sinh nhật duy nhất mà anh ấy từng tổ chức kể từ khi anh ấy còn nhỏ.

(sửa only => the only)

Lí do: Người ta dùng mạo "the" trước số thứ tự và only

Question 3: Nowadays, everybody knows Apples and almost everybody knows that a company was founded by Steve Jobs, an American inventor and entrepreneur.

A. knows

B. almost

C. a

D. founded

Đáp án C

Tạm dịch: Ngày nay, mọi người đều biết đến Apples và hầu hết mọi người đều biết rằng công ty này được thành lập bởi Steven Jobs, một nhà phát minh và nhà kinh doanh người Mỹ.

=> Đáp án: C (a => the)

Lí do: Vì danh từ công ty đã được xác định là "Apples" nên phải dùng mạo từ xác định "the".

Question 4: The teacher entered the room while the students were discussing their plan for an excursion.

A. entered

B. while

C. were discussing

D. an

Đáp án D

Tạm dịch: Giáo viên bước vào lớp khi học sinh đang thảo luận kế hoạch của họ cho chuyến tham quan.

=> Đáp án: D (an => the)

Lí do: chuyến thăm quan mà học sinh đang thảo luận đã được xác định

Question 5: Of all papers I read this morning, none interested me as much as this one.

A. Of all papers

B. read

C. none

D. as much as

Đáp án A

Tạm dịch: Trong tất cả các bài tôi đã đọc sáng nay, không phải bài nào cũng hấp dẫn tôi nhiều như bài này.

*Ta dùng mạo từ “the” trước danh từ (số ít/số nhiều) đã xác định. Vì “papers” trong câu được xác định bởi mệnh đề quan hệ “I read this morning” nên nó phải có mạo từ “the” đi kèm

=> **Đáp án:** A (Of all papers => of all the papers)

Question 6: Steve Jobs died in 2011 after battling with the pancreatic cancer for nearly a decade.

A. died

B. battling with

C. the

D. for

Đáp án C

Tạm dịch: Steven Jobs đã mất vào năm 2011 sau khi chống chọi với căn bệnh ung thư Tụy gần một thập kỉ.

=> **Đáp án:** C (không dùng mạo từ trước tên của các loại bệnh)

Question 7: He left on the 10 o'clock train yesterday to see his father who was taken to the hospital last week when he broke his right leg.

A. left on

B. to see

C. the hospital

D. broke

Đáp án C

Tạm dịch: Anh ta xuống tàu lúc 10h hôm qua để gặp bố của anh ấy, người mà đã được đưa tới bệnh viện tuần trước khi ông ấy bị gãy tay phải.

=> **Đáp án:** C (the hospital => hospital)

Lí do: Với một số danh từ như “school, hospital, church, jail, prison” khi nó đi với các động từ và giới từ chỉ sự chuyển động chỉ đi đến đó vì mục đích chính hoặc ra khỏi đó cũng vì mục đích chính thì không dùng mạo từ “the”. Còn trong trường hợp, không phải mục đích chính thì ta dùng mạo từ “the”.

=> Trong trường hợp này người bệnh đang nằm viện vì mục đích chính nên không dùng mạo từ xác định “the”.

Question 8: Every week, his mother goes to university to visit him while my mother has never come to visit me since I went to university.

A. university

B. while

C. has never come

D. went to

Tạm dịch: Mỗi tuần, mẹ của anh ấy đến trường đại học để thăm anh ấy trong khi mẹ tôi không bao giờ đến thăm tôi kể từ khi tôi lên đại học.

=> **Đáp án:** A (university => the university)

Lí do: Với một số danh từ như “school, hospital, church, jail, prison, university” khi nó đi với các động từ và giới từ chỉ sự chuyển động chỉ đi đến đó vì mục đích chính hoặc ra khỏi đó cũng vì mục đích chính thì không dùng mạo từ “the”. Còn trong trường hợp, không phải mục đích chính thì ta dùng mạo từ “the”.

=> Trong trường hợp này người mẹ đến trường đại học thăm con chứ không phải là đi học nên dùng mạo từ xác định “the”.

Question 9: I have visited Portugal but I have never been to Netherlands, so I intend to visit it next summer.

A. have visited

B. but

C. Netherlands

D. to visit

Tạm dịch: Tôi đã đi thăm Bồ Đào Nha nhưng tôi chưa bao giờ đi tới Hà Lan, vì thế tôi dự định đi đến đó vào mùa hè tới.

=> **Đáp án:** C (Netherlands => the Netherlands)

Lí do: Dùng mạo từ xác định the + tên nước có “s”.

Question 10: Last month, while my friend was traveling round England by the car, he crashed the car into a tree.

A. was traveling

B. the

C. the

D. a

Tạm dịch: Tháng trước, trong khi bạn tôi đi du lịch quanh nước Anh bằng xe hơi, anh ấy đã tông vào một cái cây.

=> Đáp án: B (the => 0)

Lí do: Không dùng mạo từ trước tên của phương tiện giao thông khi nó đứng sau giới từ “by”

Fb: Thao Nguyen Xanh